

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH ANGIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/DS-ST

Ngày: 23/8/2024

V/v “Tranh chấp tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Được; Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang –Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2024/TLST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 464/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N. Trụ sở: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Ông Dương Du M, chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP N – chi nhánh A

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng là: ông Đặng Ngọc T1, chức vụ: trưởng phòng G; địa chỉ: Lô A, đường số E, khu dân cư mới, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2024). Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1960; vắng mặt.

2.2. Bà Trương Kim H, sinh năm 1960; vắng mặt.

Nơi cư trú: cùng ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bảng tự khai và biên bản hòa giải đại diện Ngân hàng trình bày: Ông **Phạm Văn L**, bà **Trương Kim H** và **Ngân hàng TMCP N – chi nhánh A – Phòng G** thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng vay số: 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022, số tiền vay 60.000.000đ, thời hạn vay 11 tháng, mục đích cho vay nuôi bò; lãi suất cho vay trong hạn theo thông báo của ngân hàng cố định trên giấy nhận nợ (lãi suất tại thời điểm ngày 18/01/2022 là 7,5%/ năm, quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả); dư nợ đến ngày 30/6/2024 số tiền 58.985.747 đồng;

Hợp đồng vay số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022, số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn vay 11 tháng, mục đích cho vay kinh doanh gặt thuê; lãi suất cho vay trong hạn theo thông báo của ngân hàng cố định trên giấy nhận nợ (lãi suất tại thời điểm ngày 21/4/2022 là 7,5%/ năm, quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả); dư nợ đến ngày 30/6/2024 số tiền 300.000.000 đồng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông **L** bà **H** có ký hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp số 152/2018/HĐTC-AGI-TGLX ngày 23/01/2018 là quyền sử dụng đất số 02666QSDĐ/eB, thuộc thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 3 do **UBND huyện C**, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/1998 cho ông **Phạm Văn L**, đất tọa lạc tại **xã N, huyện C, tỉnh An Giang**. Hợp đồng thế chấp số 537/2017/HĐTC-AGI-TGLX ngày 06/7/2017 là quyền sử dụng đất số CS03426, thuộc thửa đất số 1239; 1240; 1241; 1242, tờ bản đồ số 3 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** cấp ngày 03/5/2017 cho ông **Phạm Văn L**; đất tọa lạc tại **xã N, huyện C, tỉnh An Giang** và quyền sử dụng đất số: CH03350, thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 99; do **UBND huyện C**, tỉnh An Giang cấp ngày 17/02/2017 cho ông **Phạm Văn L** và bà **Trương Kim H**, đất tọa lạc **xã N, huyện C, tỉnh An Giang**.

Tính đến ngày 30/6/2024 tổng số nợ 02 hợp đồng mà ông **Phạm Văn L** và bà **Trương Kim H** còn nợ gốc: 358.985.474đ; nợ lãi trong hạn: 43.540.277đ; nợ lãi quá hạn 18.297.781đ; tổng cộng vốn và lãi 420.823.805đồng. Ngân hàng yêu cầu ông **Phạm Văn L** và bà **Trương Kim H** có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay số 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022; hợp đồng số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông **L** bà **H** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 537/2017/HĐTC-AGI-TGLX ngày 06/7/2017.

*Bị đơn ông **Phạm Văn L** trình bày:* Ngày 17 tháng 01 năm 2022 ông và bà **H** có đến **ngân hàng TMCP N – chi nhánh A- Phòng G** vay 60.000.000đồng đến ngày 21 tháng 4 năm 2022 vay thêm số tiền 300.000.000đồng, tổng cộng 02 hợp đồng

vay là 360.000.000đồng, vay để nuôi bò nhưng không hiệu quả. Từ khi vay đến nay ông chỉ có đóng lãi chứ không có trả nợ gốc. Nay khởi kiện là ông với vợ ông là đồng ý vì ông có vay tiền và hiện còn thiếu số tiền vốn và lãi như trình bày của ngân hàng. Khi vay có thể chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Hiện nay tôi có kêu bán đất để lấy tiền trả nợ cho ngân hàng nhưng chưa bán được, khi nào bán sẽ trả tiền vay cho Ngân hàng.

Bị đơn bà **Trương Kim H** đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông **L** bà **H** có vay vốn tại **ngân hàng TMCP N** theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng số 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022 và Hợp đồng vay số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022 tổng số tiền vay là 360.000.000đ. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông **L** bà **H** có ký hợp đồng thế chấp số: Hợp đồng thế chấp số 152/2018/HĐTC-AGI-TGLX ngày 23/01/2018 và hợp đồng thế chấp số 537/2017/HĐTC-AGI-TGLX ngày 06/7/2017. Do ông **L** bà **H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện là có cơ sở nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: **Ngân hàng TMCP N** khởi kiện bị đơn cư trú tại **xã N, huyện C, tỉnh An Giang**; Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. **Ngân hàng TMCP N** với ông **Phạm Văn L** và bà **Trương Kim H** được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng: Hợp đồng số 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022 vay số tiền 60.000.000 và Hợp đồng vay số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022 vay số tiền 300.000.000đ. Sau khi vay thì ông **L**, bà **H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện; bị đơn ông **L** thừa nhận có vay của nguyên đơn theo hai hợp đồng với số

vốn 360.000.000đồng, do làm ăn không hiệu quả nên chỉ có đóng lãi một phần không có trả nợ gốc.

[2.2] Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng số 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022; Hợp đồng vay số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022; hợp đồng thế chấp số 152/2018/HĐTC-AGI-TGLX ngày 23/01/2018; hợp đồng thế chấp số: 537/2017/HĐTC-AGI-TGLX ngày 06/7/2017. Ông **L** thừa nhận có ký hợp đồng và tiền và hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày. Bà **H** không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

[2.3] Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Về thực hiện hợp đồng, sau khi vay bị đơn có trả vốn và lãi còn nợ tiền vốn và lãi tính đến ngày 21/8/2024 như sau:

- Hợp đồng vay số: 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022 còn nợ vốn số tiền 58.985.747 đồng; lãi trong hạn; 8.155.045 đồng; lãi quá hạn 3.707.166 đồng; lãi phạt 322.183 đồng. Tổng cộng: 71.170.141 đồng.

- Hợp đồng vay số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022 còn nợ vốn số tiền 300.000.000 đồng; lãi trong hạn 41.212.603 đồng; lãi quá hạn 16.027.397 đồng, lãi phạt 1.613.818 đồng. Tổng cộng: 358.853.818 đồng.

[2.4] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.5] Đối với hợp đồng thế chấp số 152/2018/HĐTC-AGI-TGLX ngày 23/01/2018; hợp đồng thế chấp số: 537/2017/HĐTC-AGI-TGLX ngày 06/7/2017 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số 02666QSDĐ/eB, thuộc thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 3 do **UBND huyện C**, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/1998 cho ông **Phạm Văn L**, đất tọa lạc tại **xã N, huyện C, tỉnh An Giang**; quyền sử dụng đất số CS03426, thuộc thửa đất số 1239; 1240; 1241; 1242, tờ bản đồ số 3 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A** cấp ngày 03/5/2017 cho ông **Phạm Văn L**; đất tọa lạc tại **xã N, huyện C, tỉnh An Giang** và quyền sử dụng đất số: CH03350, thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 99; do **UBND huyện C**, tỉnh An Giang cấp ngày 17/02/2017 cho ông **Phạm Văn L** và bà **Trương Kim H**, đất tọa lạc **xã N, huyện C, tỉnh An Giang**. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông **L**, bà **H** với nguyên đơn. Hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được chứng thực và được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do đó, khi ông **L** bà **H** không thanh toán nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn

có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: 500.000đ (do nguyên đơn tạm nộp) tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu là theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 147, 273, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Buộc ông Phạm Văn L và bà Trương Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền vốn 58.985.747 đồng; lãi trong hạn; 8.155.045 đồng; lãi quá hạn 3.707.166 đồng; lãi phạt 322.183 đồng. Tổng cộng: 71.170.141 đồng; theo Hợp đồng vay số: 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022.

Buộc ông Phạm Văn L và bà Trương Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền vốn 300.000.000 đồng; lãi trong hạn 41.212.603 đồng; lãi quá hạn 16.027.397 đồng, lãi phạt 1.613.818 đồng. Tổng cộng: 358.853.818 đồng; theo Hợp đồng vay số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022.

Kể từ ngày 22/8/2024 ông Phạm Văn L, bà Trương Kim H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay số: 237/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 17/01/2022 và Hợp đồng vay số: 1314/2022/NH - VCB-AGI-TGLX ngày 21/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Phạm Văn L và bà Trương Kim H không trả được nợ, hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 152/2018/HĐTC-AGI-TGLX ngày 23/01/2018; hợp đồng thế chấp số: 537/2017/HĐTC-AGI-TGLX ngày 06/7/2017. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số 02666QSDĐ/eB, thuộc thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 3 do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 26/5/1998 cho ông Phạm Văn L, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh An Giang; quyền sử dụng đất số CS03426, thuộc thửa đất số 1239; 1240; 1241; 1242, tờ bản đồ số 3 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 03/5/2017 cho ông Phạm Văn L; đất tọa

lạc tại xã N, huyện C, tỉnh An Giang và quyền sử dụng đất số: CH03350, thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 99; do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 17/02/2017 cho ông Phạm Văn L và bà Trương Kim H, đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh An Giang

Chi phí tô tụng: 500.000đ (do nguyên đơn tạm nộp) nguyên đơn tự nguyện chịu.

Án phí DSST:

Ông Phạm Văn L và bà Trương Kim H phải chịu là 21.200.000 đồng.

Hoàn trả số tiền 10.520.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần N theo biên lai số 0015650 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình